

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo trình TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 13.4.2021

BUÔNG BỎ VÀ HUÂN TU
Kinh Bao Nhiêu Phải Cắt Đoạn (Katicindasuttam)
(S.i,3) (CHƯƠNG 1. TƯƠNG ƯNG CHỦ THIÊN, PHẨM CÂY LAU)

Tu tập không chỉ để thành tựu mà còn để có khả năng từ bỏ. Điểm này không những thiết yếu đối với giai đoạn chuyển tiếp từ phàm sang thánh mà ngay trong cuộc sống bình thường cũng vậy. Hình ảnh một người vượt giòng nước lũ để đến bờ kia là một thí dụ sinh động về những gì cần tháo bỏ và những gì cần hàm dưỡng để có đủ điều kiện đảo bĩ ngạn.

Mặc dù sự phân chia mùi kiết sử thành hai nhóm hạ phần và thượng phần được tìm thấy trong nhiều bài kinh nhưng ở đây có hai động từ dị biệt là cắt đoạn (chinde) đối với năm hạ phần và từ bỏ (jahe) cho thấy hai mức độ khác nhau: cắt đoạn với cái bất thiện và từ bỏ cái đối lập còn lại tuy không tốt hơn nhưng vẫn còn mầm mống của sanh tử.

Năm pháp cần huân tu ở đây là ngũ quyền hay ngũ căn tức năm nền tảng của sự tu tập nội tại là tín, tấn, niệm, định, tuệ. Dù trong thiền chỉ (samatha) hay thiền quán (vipassana) thì năm pháp này phải phát triển đồng bộ. Nói cách khác là không thiếu cũng không dư.

Năm pháp cần vượt qua là năm vướng mắc (sanga) là bảng liệt kê ít khi được nêu ra trong những bài kinh khác trong Tam Tạng.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ . Ekamantaṃ ṭhitā kho ṣā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi:

... Nhân duyên ở (Sāvatṭhī), Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

"Kati chinde kati jahe,
Phải cắt đoạn bao nhiêu,
Phải từ bỏ bao nhiêu,

kati cuttari bhāvaye. Kati saṅgātigo
Tu tập thêm bao nhiêu,
Vượt qua bao trói buộc,

bhikkhu, oghatiṇṇoti vuccatīti..
Để được có danh xưng,
Tỷ-kheo vượt bậc lưu?

(Thế Tôn):

"Pañca chinde pañca jahe,
Phải cắt đoạn đến năm,
Phải từ bỏ đến năm,

pañca cuttari bhāvaye.
Tu tập thêm năm pháp (lực),

Pañca saṅgātigo
Vượt qua năm trói buộc,

bhikkhu, oghatiṇṇoti vuccatīti..
Để được có danh xưng,
Tỷ-kheo "vượt bậc lưu".



Thích văn

Chinde: cắt đoạn

Jahe: từ bỏ

Bhāvaye: Tu tập

saṅgātigo: trói buộc,

oghatiṇṇoti : người vượt bậc lưu



Thích nghĩa

Câu trả lời của Đức Phật chỉ là những con số. Đối với vị thiên thì như vậy là đủ để hiểu. Chân nghĩa của những ẩn số này tìm thấy trong Số giải:

Năm pháp cần phải đoạn tận là năm hạ phần kiết sử (*Olambhāgiyāsam-yoyanā*): **thân kiến** là sự chấp ngã (là ta, là của ta) đối với năm uân; **ngghi hoặc** là sự nghi ngờ đối với điều cần xác tín; **giới cầm thủ** là chấp trì những điều thiếu lý tín; **dục ái** là ái chấp với ngũ trần; **sân** là bực bội với điều trái ý.

Năm pháp cần phải từ bỏ là năm thượng phần kiết sử (*uddhambhāgiyāsam-yoyanā*): **ái sắc** là tham luyến với cảnh giới thiên sắc giới; **ái vô sắc** là tham luyến với cảnh giới thiên vô sắc giới; **mạn** là cái nhìn so đo giữa cá thể với cá thể; **phóng dật** là sự giao động của tâm; **vô minh** là cái nhìn bị ngăn che chưa tỏ rõ (từ đế).

Năm pháp cần tu tập là ngũ quyền (*indriya*): **tín quyền** là nền tảng đức tin; **tâm quyền** là nền tảng nỗ lực; **niệm quyền** là nền tảng tỉnh thức; **định quyền** là nền tảng tập chú; **tuệ quyền** là nền tảng trí giác. Trong câu *pañca cuttari bhāvaye chũ cuttari* (*ca +uttari*) nên hiểu là “thêm vào đó” hay “hơn thế nữa”

Năm vương mắc cần vượt qua: ái nhiễm (*ragasanga*), **sân hận** (*dohasanga*), **si mê** (*mohasanga*) **ngã mạn** (*manasanga*), **tà kiến** (*ditthisanga*).

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

5. Katichindasuttam [Mūla]

5. Sāvattthinidānaṃ . Ekamantaṃ t̥hitā kho sā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi:

"Kati chinde kati jahe, kati cuttari bhāvaye.

Kati saṅgātigo bhikkhu, oghatiṇṇoti vuccatīti..

"Pañca chinde pañca jahe, pañca cuttari bhāvaye.

Pañca saṅgātigo bhikkhu, oghatiṇṇoti vuccatīti..

5. Katichindasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

5. Pañcame **kati chindeti** chindanto kati chindeyya. Sesapadesupi eseva nayo. Ettha ca “chinde jahe”ti atthato ekaṃ. Gāthābandhassa pana maṭṭhabhāvattaṃ ayaṃ devatā saddapunaruttim vajjayantī evamāha. **Kati saṅgātigoti** kati saṅge atigato, atikkantoti attho. Saṅgātikotipi pāṭho, ayameva attho. **Pañca chindeti** chindanto pañca orambhāgiyaṃyojanāni chindeyya. **Pañca jaheti** jahanto pañcuddhambhāgiyaṃyojanāni jaheyya. Idhāpi chindanañca jahanañca atthato ekameva, bhagavā pana devatāya āropitavacanānurūpeneva evamāha. Atha vā pādesu baddhapāsasakuṇo viya pañcorambhāgiyaṃyojanāni heṭṭhā ākaḍḍhamānākārāni honti, tāni anāgāmimaggena chindeyyāti vadati. Hatthehi gahitarukkhasākhā viya pañcuddhambhāgiyaṃyojanāni upari ākaḍḍhamānākārāni honti, tāni arahattamaggena jaheyyāti vadati. **Pañca cuttari bhāvayeti** etesaṃ saṃyojanānaṃ chindanattāya ceva pahānatthāya ca uttari atirekaṃ visesaṃ bhāvento saddhāpañcamāni indriyāni bhāveyyāti attho. **Pañca saṅgātigoti** rāgasāṅgo dosasaṅgo mohasaṅgo mānasaṅgo diṭṭhisāṅgoti ime pañca saṅge atikkanto. **Oghatiṇṇoti vuccatīti** caturoghatiṇṇoti kathīyati. Imāya pana gāthāya pañcindriyāni lokiyalokuttarāni kathitānīti.

Katichindasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.